

Mã chương: 422

Mẫu số 20c

Đơn vị: Trường THPT Chuyên Lê Hồng Phong

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

Mã ĐVQHNS: 1071559

Mã cấp NS: 2

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Quý 1 /Năm 2026

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Lương theo ngạch, bậc	12	074	6001	00000	0	0	4.595.699.160	4.595.699.160	4.595.699.160	4.595.699.160
Phụ cấp chức vụ	12	074	6101	00000	0	0	46.683.000	46.683.000	46.683.000	46.683.000
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	12	074	6107	00000	0	0	5.616.000	5.616.000	5.616.000	5.616.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	12	074	6112	00000	0	0	3.128.227.034	3.128.227.034	3.128.227.034	3.128.227.034
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	12	074	6113	00000	0	0	338.013.000	338.013.000	338.013.000	338.013.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	12	074	6115	00000	0	0	860.651.088	860.651.088	860.651.088	860.651.088
Phụ cấp khác	12	074	6149	00000	0	0	24.640.200	24.640.200	24.640.200	24.640.200
Bảo hiểm xã hội	12	074	6301	00000	0	0	935.515.652	935.515.652	935.515.652	935.515.652
Bảo hiểm y tế	12	074	6302	00000	0	0	165.090.997	165.090.997	165.090.997	165.090.997
Kinh phí công đoàn	12	074	6303	00000	0	0	110.060.665	110.060.665	110.060.665	110.060.665
Bảo hiểm thất nghiệp	12	074	6304	00000	0	0	55.030.333	55.030.333	55.030.333	55.030.333
Các khoản đóng góp khác	12	074	6349	00000	0	0	27.220.422	27.220.422	27.220.422	27.220.422
Chi khác	12	074	6449	00000	0	0	342.000.000	342.000.000	342.000.000	342.000.000
Tiền điện	12	074	6501	00000	0	0	136.847.976	136.847.976	136.847.976	136.847.976
Tiền nước	12	074	6502	00000	0	0	155.435.124	155.435.124	155.435.124	155.435.124
Tiền vệ sinh, môi trường	12	074	6504	00000	0	0	17.054.012	17.054.012	17.054.012	17.054.012

Vật tư văn phòng khác	12	074	6599	00000	0	0	48.486.424	48.486.424	48.486.424	48.486.424
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	12	074	6601	00000	0	0	707.699	707.699	707.699	707.699
Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	12	074	6605	00000	0	0	8.192.500	8.192.500	8.192.500	8.192.500
Phim ảnh; ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư viện	12	074	6608	00000	0	0	1.330.000	1.330.000	1.330.000	1.330.000
Tiền vé máy bay, tàu, xe	12	074	6701	00000	0	0	43.068.000	43.068.000	43.068.000	43.068.000
Khoản công tác phí	12	074	6704	00000	0	0	9.600.000	9.600.000	9.600.000	9.600.000
Thuê thiết bị các loại	12	074	6754	00000	0	0	6.480.000	6.480.000	6.480.000	6.480.000
Thuê chuyên gia và giảng viên trong nước	12	074	6756	00000	0	0	3.900.000	3.900.000	3.900.000	3.900.000
Chi phí thuê mướn khác	12	074	6799	00000	0	0	34.035.336	34.035.336	34.035.336	34.035.336
Nhà cửa	12	074	6907	00000	0	0	13.312.200	13.312.200	13.312.200	13.312.200
Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	12	074	6949	00000	0	0	14.094.000	14.094.000	14.094.000	14.094.000
Chi mua hàng hóa, vật tư	12	074	7001	00000	0	0	20.601.480	20.601.480	20.601.480	20.601.480
Chi các khoản khác	12	074	7799	00000	0	0	15.000.000	15.000.000	15.000.000	15.000.000
Cộng:					0	0	11.162.592.302	11.162.592.302	11.162.592.302	11.162.592.302
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chi ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 2 tháng 4 năm 2026

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Thới Mỹ Hạnh

Người ký: Hoàng Thị Ngọc Lan
Ngày ký: 02/04/2026 16:09:10
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Khu vực II -PGD số 9

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 1 tháng 4 năm 2026

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Huỳnh Thị Lan Chi
Ngày ký: 01/04/2026 10:21:03
Đơn vị: Trường THPT Chuyên Lê Hồng Phong

Người ký: Phạm Thị Bè Hiền
Ngày ký: 01/04/2026 20:03:11
Đơn vị: Trường THPT Chuyên Lê Hồng Phong

Hoàng Thị Ngọc Lan

Huỳnh Thị Lan Chi

Phạm Thị Bé Hiền